

KIỂM TRA HÓA HỌC CHƯƠNG I

Thời gian: 80 | Số câu: 40

Họ và tên thí sinh: _____
Lớp / Đơn vị: _____

Số báo danh: _____
Ngày thi: _____

1. Hạt nhân nguyên tử cấu tạo bởi:

- A. Proton và electron
B. Proton và neutron
C. Neutron và electron
D. Proton, neutron và electron.
E. không phải hạt nào trong các hạt trên

2. Chất có phân tử khối bằng nhau là (biết O = 16, N = 14, S = 32, C = 12)

- A. O₃ và N₂
B. N₂ và CO
C. SO₂ và CO₂
D. NO₂ và SO₂

3. Cho các công thức hoá học sau:

a) CaO b) FeCl c) AlO₃ d) CO₃ e) FeCl₂ g) N₂O₅ Công thức hoá học sai là

- A. a, b, c
B. b, c, e
C. a, e, g.
D. b, c, d.

4. Hai nguyên tử A liên kết với 3 nguyên tử O tạo phân tử có PTK = 160. Vậy A là nguyên tố nào trong các nguyên tố sau?

- A. P = 16
B. Al = 27
C. Fe = 56
D. N = 14
E. Zn = 65

5. Dãy chất chỉ gồm chất tinh khiết là

- A. Kim loại bạc, nước cất, đường kính.
B. Nước sông, nước đá, nước chanh
C. Nước biển, đường kính, muối ăn
D. Khí tự nhiên, gang, dầu hỏa

6. Dãy chất nào sau đây toàn là hợp chất?

- A.** Nước sông, muối ăn, đường, không khí.
- C.** Khí cacbonic, đường tinh khiết, nước cất, muối tinh

- B.** Rượu uống, khí nitơ, sữa tươi, nước khoáng
- D.** Khí oxi, đá vôi, muối tinh, nước khoáng

7. Dãy gồm tất cả các chất có công thức viết đúng là

- A.** NaCO_3 , NaCl_2 CaO
- C.** Al_2O_3 , Na_2O , CaO

- B.** AgO , NaCl , H_2SO_4
- D.** HCl , H_2O , NaO

8. Các cách viết 2 Na; 3 P; 5 H; Fe lần lượt chỉ những ý gì?

Đáp án:

9. Trong các công thức hoá học sau : O_2 , N_2 , Al, Al_2O_3 , H_2 , AlCl_3 , H_2O , P.

Số đơn chất là

- A.** 4
- C.** 5
- E.** 2

- B.** 3
- D.** 6

10. Công thức hoá học của các oxit do kim loại Fe(III), Pb(IV), Ca(II) lần lượt là

- A.** FeO , PbO_2 , CaO
- C.** Fe_2O_3 , PbO , Ca_2O

- B.** Fe_2O_3 , PbO , CaO
- D.** Fe_2O_3 , PbO_2 , CaO

11. Viết kí hiệu hoá học của các nguyên tố có tên sau

- Bari: - Thủy ngân:
- Photpho: - Kẽm:
- Cacbon: - Chì:
- Oxi: - Bạc:
- Nito: - Magie:
- Lưu huỳnh: - Silic:
- Vàng: - Đồng:
- Kali: - Canxi:
- Nhôm: - Clo:
- Crom: - Mangan:
- Sắt: - Flo:
- Natri:

Đáp án:

12. Tổng số hạt tạo thành nguyên tử A là 28, số hạt không mang điện là 10. Hãy xác định nguyên tử khối của A. Viết kí hiệu hoá học của A.

Đáp án:

13. Từ hoá trị của các nguyên tố và nhóm nguyên tử đã biết ở những câu trên. Hãy cho biết công thức hoá học nào sau đây viết sai? $Al_3(SO_4)_2$; KO_2 ; H_2S . Sửa lại cho đúng.

Đáp án:

14. Dựa vào quy tắc hóa trị Tính hoá trị của:
Nguyên tố S trong hợp chất SO_2
Nhóm nguyên tử CO_3 trong hợp chất K_2CO_3

Đáp án:

15. a) Viết công thức hoá học các hợp chất của kim loại Mg với Cl, Mg với S, Mg với nhóm (OH), Mg với nhóm (PO₄).

b) Tính phân tử khối của các hợp chất đó?

(biết: Mg = 24 ; Cl = 35,5 ; S = 32,0 ; O = 16)

Đáp án:

16. Cho biết nguyên tử R nặng gấp — lần nguyên tử cacbon, R là nguyên tố nào? Viết kí hiệu hóa học của nguyên tố đó.

Đáp án:

17. a) Viết công thức hoá học của các chất sau: khí nitơ, natri clorua (phân tử có 1 Na, 1 Cl), Sắt(III) oxit (phân tử có 2 Fe, 3 O), kim loại magie, canxi cacbonat (phân tử có 1 Ca, 1 C, 3 O).

b) Chất nào là đơn chất? Chất nào là hợp chất?

Đáp án:

18. Hợp chất A gồm hai nguyên tố Fe, Cl. Biết trong hợp chất Fe chiếm 44,094% về khối lượng.

- Tính phân tử khối của A.

- Viết công thức hoá học của A

Đáp án:

19. Hợp chất A được tạo nên từ K với nhóm SO₄. Phân tử khối của A là.

(Biết K = 39 ; S = 32 ; O = 16)

A. 174

B. 135

C. 231

D. 213

20. Phân tử của một hợp chất gồm một nguyên tử M liên kết với một nguyên tử O và nặng bằng nguyên tử sắt. Nguyên tử M là

A. Mg (24)

B. Ca (40)

C. Zn (65)

D. Cu (64)

21. Dùng chữ số và kí hiệu hoá học hoặc công thức hoá học để diễn đạt các ý sau:

1. Một nguyên tử hiđro

2. Hai nguyên tử cacbon

3. Ba nguyên tử nhôm

4. Bốn phân tử oxi

Đáp án:

22. Hãy cho biết hoá trị của các nguyên tố sau: Hiđro, Oxi, Clo. Người ta quy ước lấy nguyên tố nào làm đơn vị hoá trị?

Đáp án:

23. Tám nguyên tử của nguyên tố X nặng bằng 7 nguyên tử của nguyên tố đồng. Hãy tính toán để cho biết tên và kí hiệu hoá học của X?

Đáp án:

24. a/ Viết các CTHH của các hợp chất sau:

Khí clo được tạo bởi 2Cl

Nước được tạo bởi 2H, 1O

Axit clohydric được tạo bởi 1H, 1Cl

Nhôm

b/ Chất nào là đơn chất, chất nào là hợp chất ?

Đáp án:

25. Xđ hóa trị của mỗi nguyên tố có trong các hợp chất sau đây, biết trong các hợp chất H có hóa trị I còn O có hóa trị II.

a/ KH, H₂S, CH₄

b/ FeO, Ag₂O, SiO₂

Đáp án:

26. hóa trị của các chất sau là: H, O, Cl, Al, Mg, F, Cu, Fe, S, K, Ca, Ba, Zn, Ag, Hg, C.

Đáp án:

27. 2 phân tử khí CO₂ có bao nhiêu nguyên tử O?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

28. Tổng số hạt trong nguyên tử của một nguyên tố hóa học là 40; trong đó số hạt mang điện nhiều hơn số hạt không mang điện là 12. Xác định số nơtron trong nguyên tử trên.

Đáp án:

29. Lập công thức hóa học, tính phân tử khối của những hợp chất tạo bởi (công thức đầu ghi đủ các bước, các công thức sau chỉ ghi kết quả):

a) Nguyên tố sắt(III) với nguyên tố Cl (I); nhóm SO_4 (II); nhóm NO_3 (I); nhóm PO_4 (III); nhóm OH (I).

b) Nguyên tố S (II) với nguyên tố H; nguyên tố S (IV) với nguyên tố O; nguyên tố S (VI) với nguyên tố O.

Đáp án:

30. Biết số proton trong hạt nhân của oxi là 8, kali là 19, clo là 17, silic là 14, canxi 20, nhôm là 13, lưu huỳnh là 16. Phân tử nào sau đây có số electron nhiều nhất?

A. SiO_2

B. Al_2O_3

C. CaCl_2

D. KCl

31. Tính hóa trị của các nguyên tố gạch chân trong các công thức hóa học sau: $\text{Al}\underline{\text{Cl}}_3$, $\text{Cu}\underline{\text{SO}}_4$, $\underline{\text{N}}_2\text{O}_5$, $\underline{\text{NO}}_2$, $\text{Fe}(\underline{\text{O}}\text{H})_3$, SO_2 , $\text{Fe}(\underline{\text{NO}}_3)_2$.

Đáp án:

32. Hãy tính phân tử khối của các hợp chất sau : Al_2O_3 ; $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$; $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$; Na_3PO_4 ; $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$; $\text{Ba}_3(\text{PO}_4)_2$; ZnSO_4 ; AgCl ; NaBr .

Đáp án:

33. Hoá trị của S, nhóm PO_4 trong các công thức hóa học sau: H_2S & H_3PO_4 lần lượt là:

A. I, III

B. III, I

C. II, III

D. III, II

ĐÁP ÁN

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10
B	B	D	C	A	C	C	2 nguyên tử Natri, 2 nguyên tử Photpho, 5 nguyên tử Hidro, 1 nguyên tử Sắt	C	D
Câu 21	Câu 22	Câu 23	Câu 24	Câu 25	Câu 26	Câu 27	Câu 28	Câu 29	Câu 30
Ba, Hg, P, Zn, C, Pb, O, Ag, N, Mg, S, Si, Au, Cu, K, Ca, Al, Cl, Cr, Mn, Fe, F, Na	A là Flo, kí hiệu hóa học: F	Công thức hóa học sai: Al₃(SO₄)₂, KO₂, Sửa: Al₂(SO₄)₃, K₂O	S hóa trị IV, CO₃ hóa trị II	a) MgCl₂, MgS, Mg(OH)₂, Mg₃(PO₄)₂, b) 24 + 71 = 95, 24 + 32 = 56, 24 + 2.17 = 58, 24 + 2.95 = 214	R là lưu huỳnh. Kí hiệu: S	a) Các công thức hoá học là N₂, NaCl, Fe₂O₃, Mg, CaCO₃., b) Đơn chất là: N₂, Mg., Hợp chất là: NaCl, Fe₂O₃, CaCO₃	Công thức hoá học của hợp chất là: Fe_xCl_y có khối lượng mol là M., 56 X chiếm 4,094% , Suy ra công thức là FeCl₂ Phân tử khối là 127	A	B
Câu 41	Câu 42	Câu 43	Câu 44	Câu 45	Câu 46	Câu 47	Câu 48	Câu 49	Câu 50
1 H, 2 C, 3 Al, 4 O	Nguyên tố Hidro và Oxi	X là Sắt. Kí hiệu hóa học: Fe	Khí clo: Cl₂, Nước được tạo bởi 2H, 1O: H₂O, Axit clohydric	K hóa trị I, S hóa trị II, C hóa trị IV, Fe hóa trị II, Ag hóa trị	I, II, I, III, II, I, II, (II, III), (II, IV, VI), I, II, II, II, I, I, (II, IV)	C	Gọi p, n, e lần lượt là số proton, notron và elect ron., Theo	a)- Fe(III) với Cl(I)., Công thức chung có dạng:	C

Câu 41	Câu 42	Câu 43	Câu 44	Câu 45	Câu 46	Câu 47	Câu 48	Câu 49	Câu 50
			<p>được tạo bởi 1H, 1Cl: HCl, Nhôm: Al, , - Đơn chất là: Cl₂ và Al vì được tạo ra từ một nguyên tố hóa học, - Hợp chất: H₂O, HCl vì được tạo bởi hai nguyên tố hóa học trở lên</p>	I, Si hóa trị II			<p>đề bài, ta có: $p + n + e = 40$ (1), Vì $p = e$ nên (1) $\rightarrow 2p + n = 40$ (*), Mà: $2p - n = 12$ (**), Từ (*) và (**) $\rightarrow n = 14$</p>	<p>FexCly, Theo quy tắc hóa trị, ta có:, Công thức hóa học là: FeCl₃, Phân tử khối FeCl₃ là: $56 + 35,5 \times 3 = 162,5$ đvC., - Các hợp chất của Nguyên tố sắt (III) với nhóm SO₄ (II); nhóm NO₃ (I); nhóm PO₄ (III); nhóm OH (I) lần lượt là: Fe₂(SO₄)₃, Fe(NO₃)₃, FePO₄, Fe(OH)₃., Phân tử khối của Fe₂(SO₄)₃</p>	

Câu 41	Câu 42	Câu 43	Câu 44	Câu 45	Câu 46	Câu 47	Câu 48	Câu 49	Câu 50
								<p>là $56 \times 2 + (32 + 16 \times 4) \times 3 = 400$ đvC., Phân tử khối của Fe(NO₃)₃ là $56 + (14 + 16 \times 3) \times 3 = 242$ đvC., Phân tử khối của FePO₄ là $56 + 31 + 16 \times 4 = 151$ đvC., Phân tử khối của Fe(OH)₃ là $56 + (1 + 16) \times 3 = 107$ đvC., b) - H với S (II), Công thức chung có dạng: H_xS_y, Theo quy tắc hóa trị, ta có: l</p>	

Câu 41	Câu 42	Câu 43	Câu 44	Câu 45	Câu 46	Câu 47	Câu 48	Câu 49	Câu 50
								<p> $x \times x = 11$ $x \times y \rightarrow$ Đề kiểm tra 1 tiết Hóa học 8 Chương 1 có đáp án (Đề 2) Đề kiểm tra Hóa học 8, Công thức hóa học là: H₂S, Phân tử khối của H₂S là $1 \times 2 +$ $32 =$ $34., -$ Hợp chất tạo bởi nguyên tố S (IV) với nguyên tố O là SO₂., Phân tử khối của SO₂ là $32 + 16$ $\times 2 =$ $64., -$ Hợp chất tạo bởi </p>	

Câu 41	Câu 42	Câu 43	Câu 44	Câu 45	Câu 46	Câu 47	Câu 48	Câu 49	Câu 50
								nguyên tố S (VI) với nguyên tố O là SO ₃ ., Phân tử khối của SO ₃ là 32 + 16 × 3 = 80.	
Câu 61	Câu 62	Câu 63	Câu 64	Câu 65	Câu 66	Câu 67	Câu 68	Câu 69	Câu 70
Gọi hóa trị của Al trong AlCl ₃ là x, Ta có: x.1 = 1.3 → x = III., - Gọi hóa trị của Cu trong CuSO ₄ là x, Ta có: x × 1 = II × 1 → x = II., - Gọi hóa trị của N trong N ₂ O ₅ là x, Ta có: x × 2 = II × 5 → x = V., - Gọi hóa trị của N trong NO ₂ là	Phân tử khối bằng tổng khối lượng của các nguyên tử trong phân tử", Al ₂ O ₃ (M = 27.2 + 16.3 = 102 đvC), A I ₂ (SO ₄) 3 (M = 342 đvC) F e(NO ₃) 3 (M = 242 đvC), Na ₃ PO 4 (M = 164 đvC) C a(H ₂ PO 4) ₂ (M	C	B	B	A	C	A	C	C

